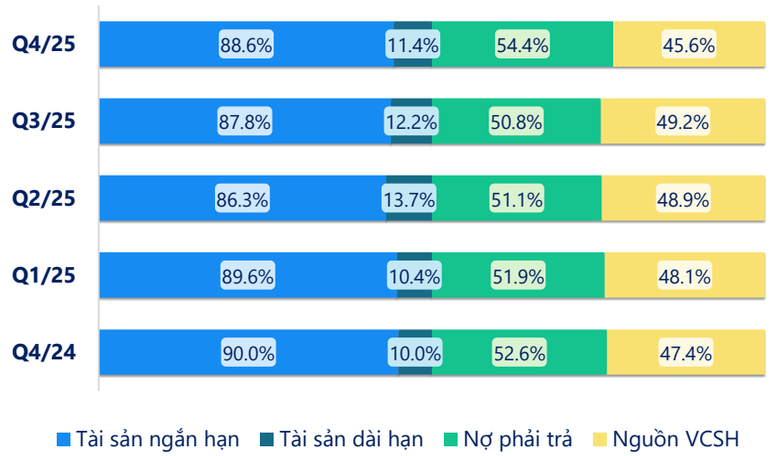
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	18,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,935
SL cổ phiếu LH	997,809,379
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,766,455
% sở hữu nước ngoài	6.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,759
P/E	36.4
EPS	516

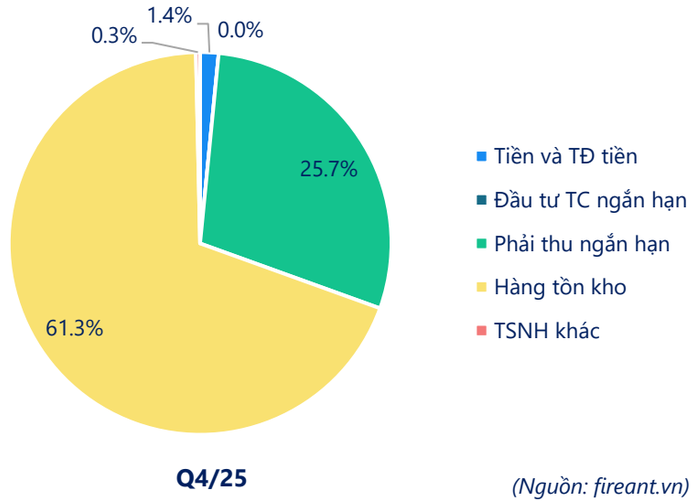
	YTD	1T	3T	6T
PDR	-1.9%	-16.8%	-17.4%	7.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



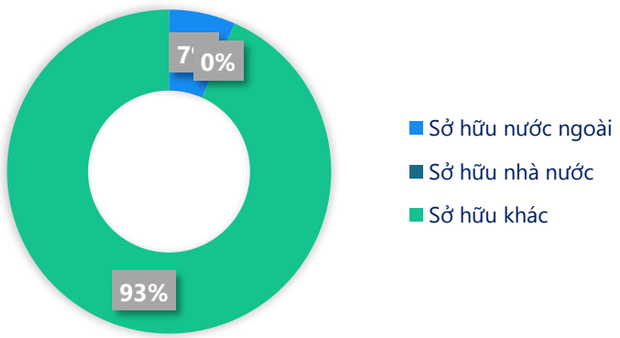
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



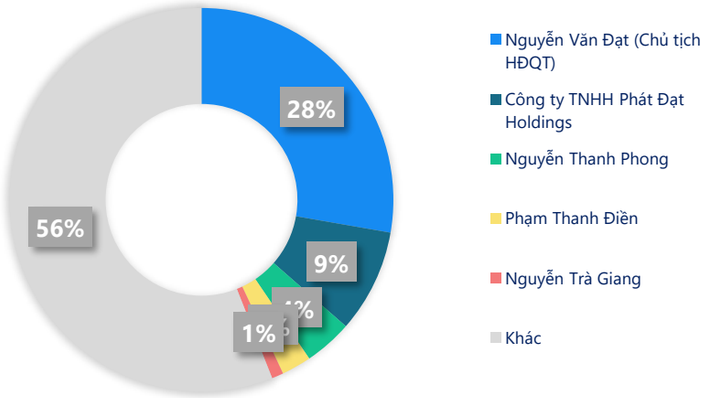
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



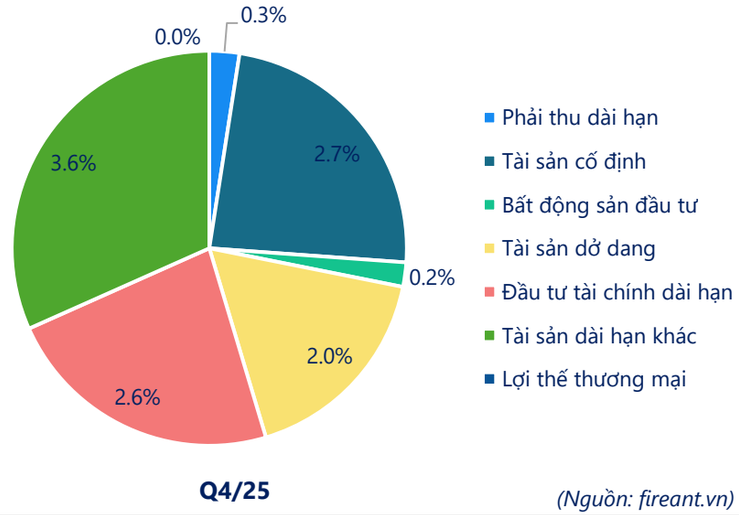
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

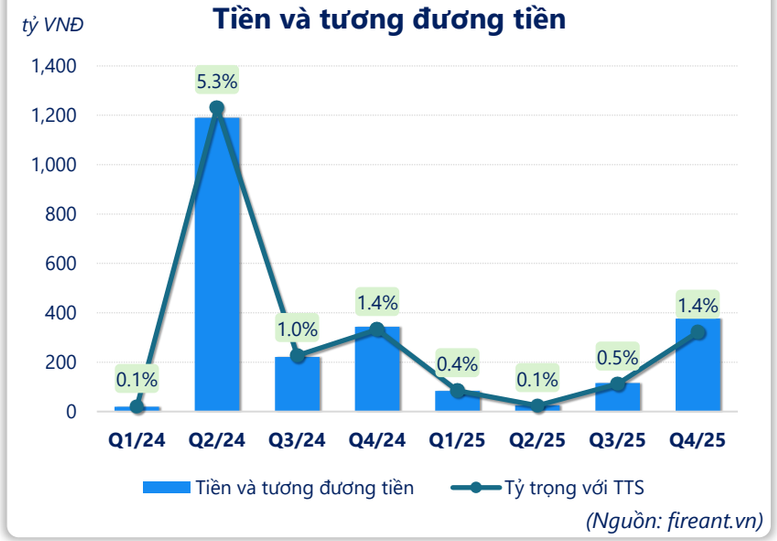


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

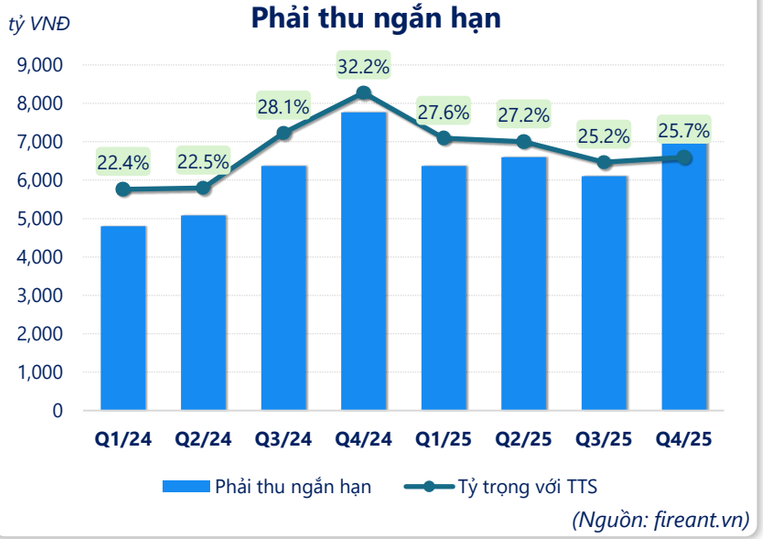
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Tiền và tương đương tiền



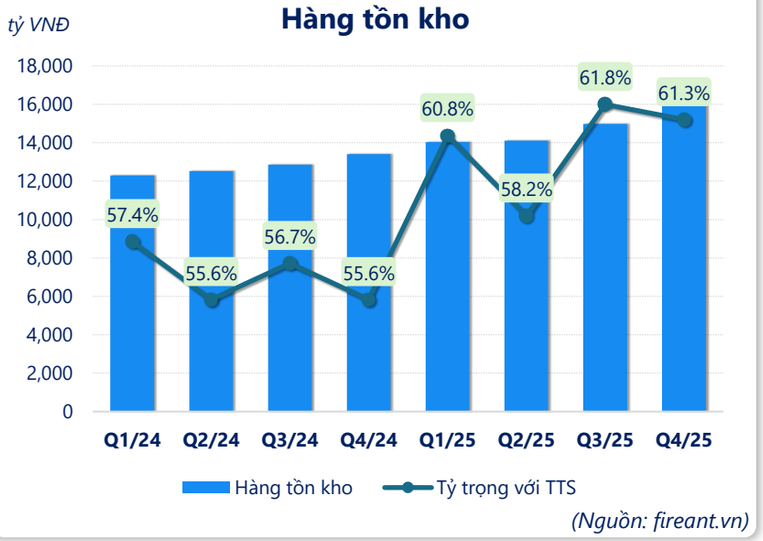
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



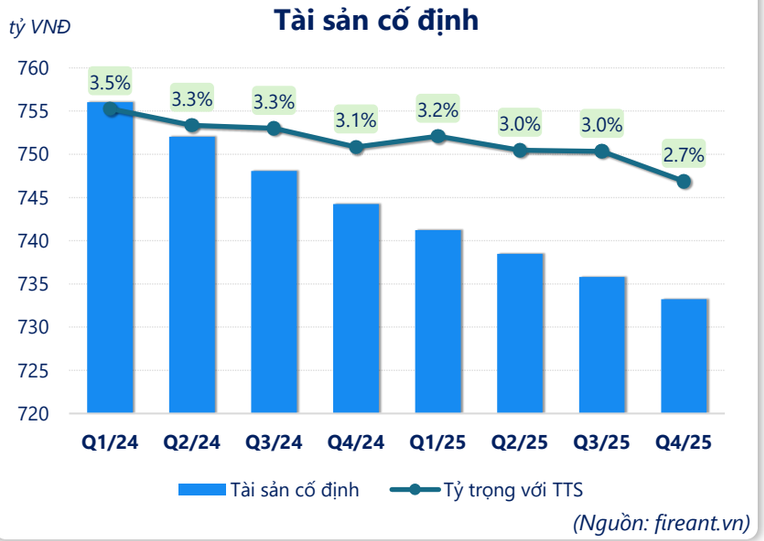
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



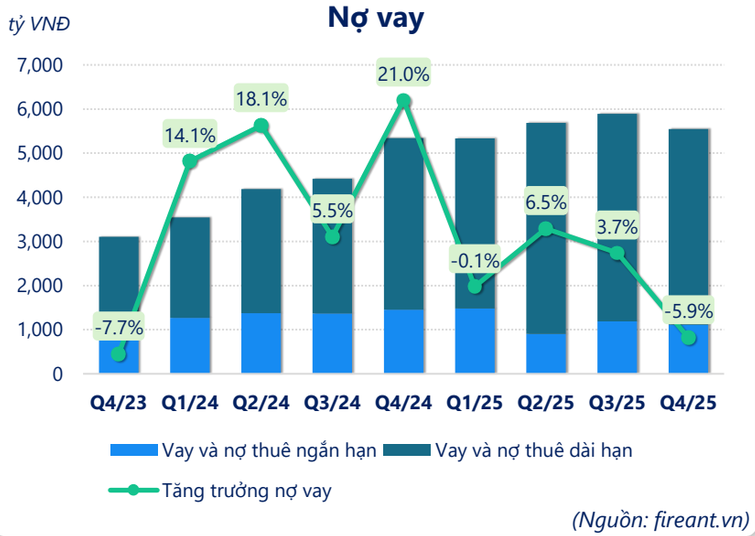
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



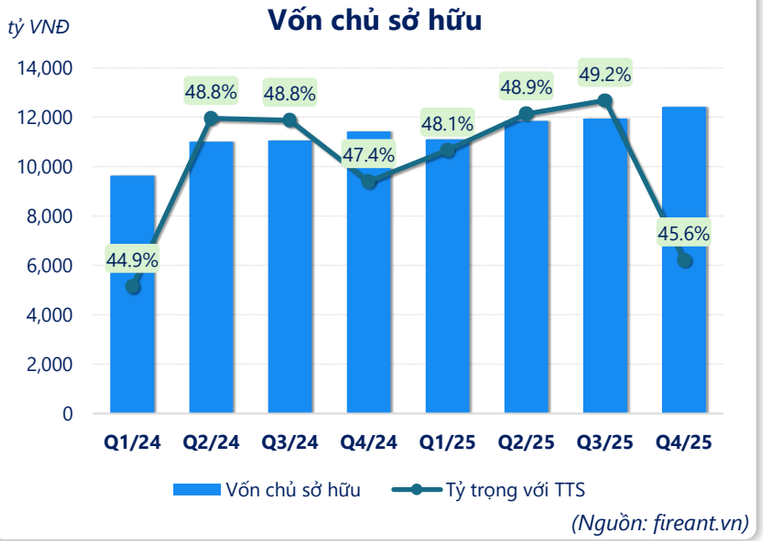
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

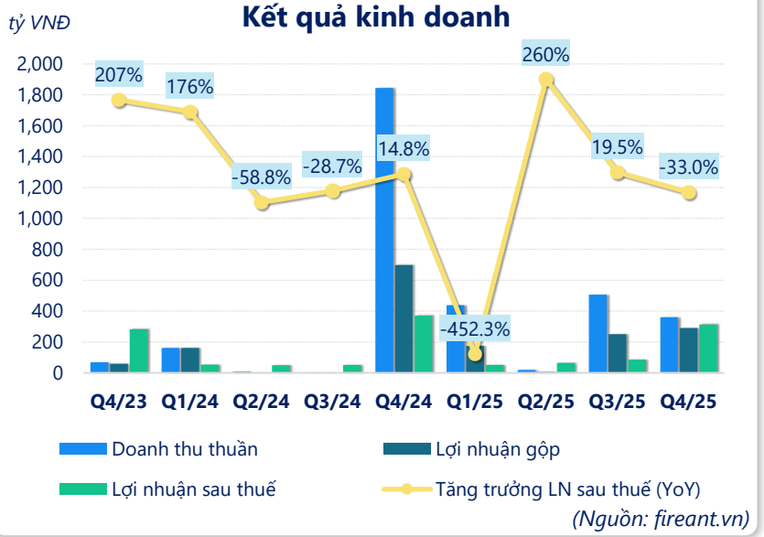


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

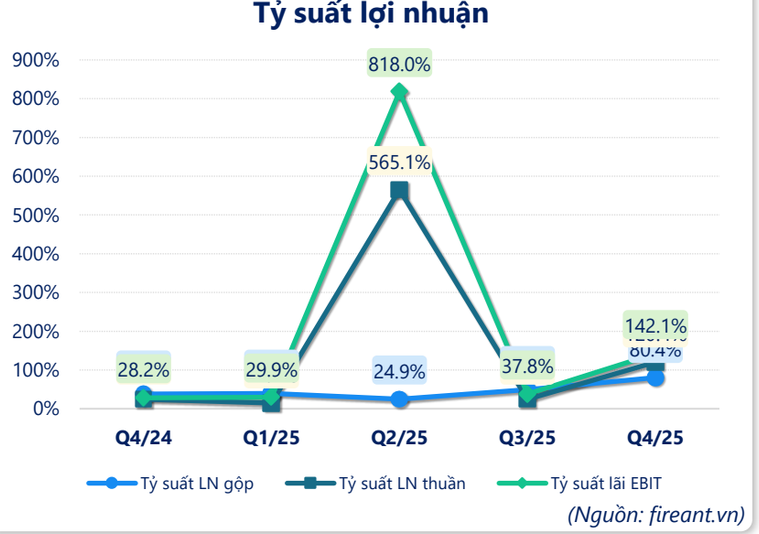
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Kết quả kinh doanh



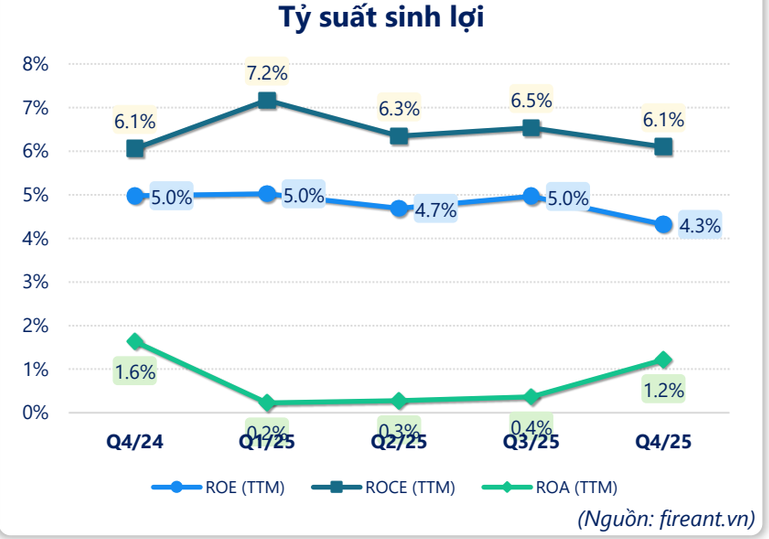
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



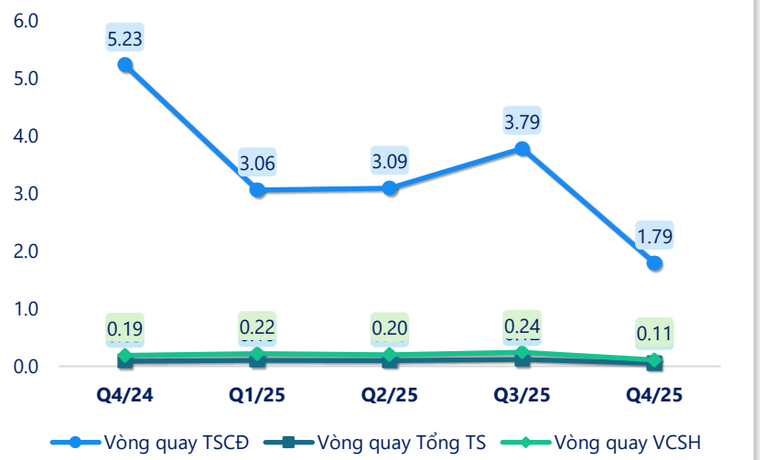
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



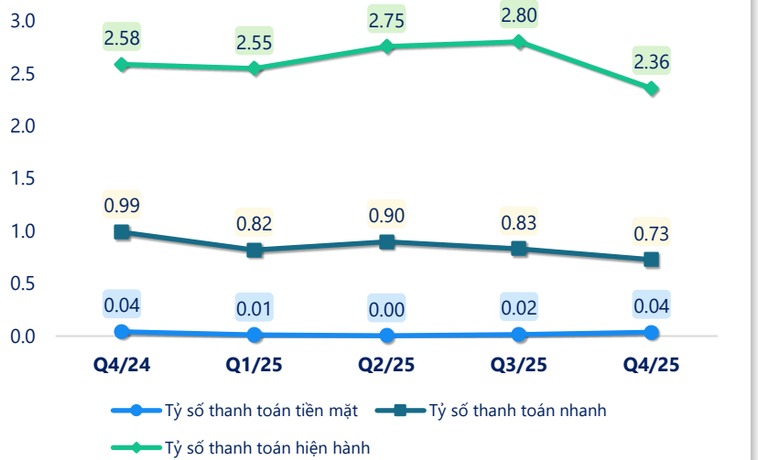
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



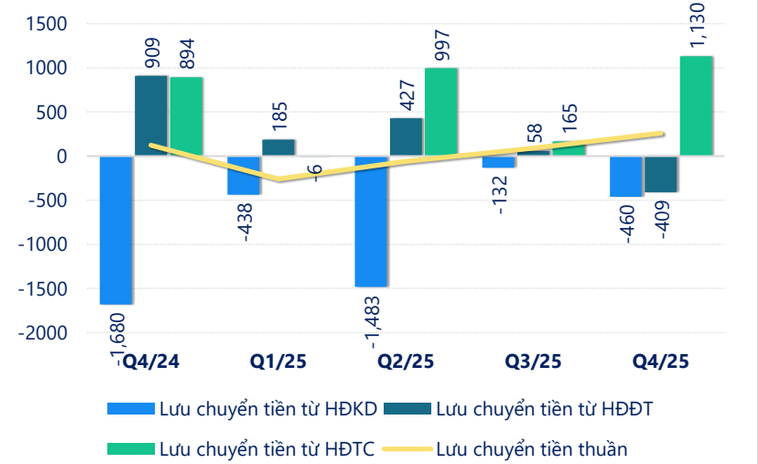
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**27,271**	**23,986**	**13.7%**
Tài sản ngắn hạn	24,176	21,483	12.5%
Tiền và tương đương tiền	376	344	9.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	115	-100%
Phải thu ngắn hạn	7,000	6,861	2.0%
Hàng tồn kho	16,715	14,078	18.7%
Tài sản ngắn hạn khác	85.2	85.2	-0.1%
Tài sản dài hạn	**3,096**	**2,503**	**23.7%**
Phải thu dài hạn	76.0	38.7	96.4%
Tài sản cố định	733	744	-1.5%
Bất động sản đầu tư	61.7	63.2	-2.4%
Tài sản dở dang	533	533	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	711	38.0	1769%
Tài sản dài hạn khác	**980**	**1,085**	**-9.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14,847	12,927	14.9%
Nợ ngắn hạn	**10,259**	**8,562**	**19.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,106	1,383	-20.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	164	348	-52.9%
Nợ dài hạn	4,589	4,365	5.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,438	3,961	12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**12,424**	**11,059**	**12.3%**
Vốn chủ sở hữu	**12,424**	**11,059**	**12.3%**
Vốn điều lệ	9,978	8,731	14.3%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,844	438	19.9	507	361
Giá vốn hàng bán	1,147	263	15.0	256	70.5
Lợi nhuận gộp	697	175	4.95	250	290
Doanh thu HĐTC	3.73	1.88	226	1.76	408
Chi phí TC	107	67.0	63.9	74.3	144
Chi phí lãi vay	72.0	66.8	62.0	74.2	144
LN trong công ty LKLD	-15.8	-0.02	-13.0	-0.01	-0.02
Chi phí bán hàng	59.3	6.59	1.28	7.31	9.37
Chi phí QLDN	64.1	38.7	40.1	46.7	111
LN thuần từ HĐKD	455	64.6	113	124	434
Lợi nhuận khác	-7.06	-0.38	-11.6	-6.35	-65.7
LN trước thuế	448	64.2	101	117	369
Lợi nhuận sau thuế	369	50.6	64.9	85.8	313
LNST của CĐ cty mẹ	369	50.6	64.9	85.8	314

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,680	-438	-1,483	-132	-460
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	909	185	427	57.8	-409
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	894	-6.37	997	165	1,130
Tiền đầu kỳ	221	344	84.0	25.2	116
Lưu chuyển tiền thuần	**123**	**-260**	**-58.8**	**90.8**	**260**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	344	84.0	25.2	116	376

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic